

Số: 1016/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức trợ giúp viên pháp lý**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Công văn số 1129/BNV-CCVC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện)
- Bộ Nội vụ (để biết);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp t/h)
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để t/h);
- Cổng thông tin điện tử BTP;
- Lưu: VT, CTGPL (Hiền).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Khánh Ngọc



KẾ HOẠCH

Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1016/QĐ-BTP ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Triển khai Đề án thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý năm 2018 (sau đây gọi tắt là Đề án) được Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Công văn số 4482/BTP-TGPL ngày 21/11/2018, Công văn số 1129/BNV-CCVC ngày 18/3/2019 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý, Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý (thi thăng hạng) theo đúng nội dung Đề án; Công văn số 1129/BNV-CCVC ngày 18/3/2019 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý; quy định của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý (Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV) và các văn bản có liên quan.

2. Yêu cầu

2.1. Nội dung thi thăng hạng phải đáp ứng yêu cầu phân loại, lựa chọn được những người có đủ tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của trợ giúp viên pháp lý.

2.2. Phân công rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

2.3. Bảo đảm kỳ thi thăng hạng nghiêm túc, khách quan, khoa học, tiết kiệm và đúng quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Thời gian, địa điểm tổ chức thi thăng hạng

- a) Thời gian tổ chức: Dự kiến cuối tháng 6/2019.
- b) Địa điểm tổ chức: Học viện Tư pháp - số 9 đường Trần Vỹ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng dự thi

Viên chức đang là trợ giúp viên pháp lý hạng III (mã số V02.01.02) đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

3.1. Điều kiện dự thi

- a) Đã được bổ nhiệm vào chức danh trợ giúp viên pháp lý;
- b) Đơn vị sử dụng trợ giúp viên pháp lý có nhu cầu;
- c) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- d) Có trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí trợ giúp viên pháp lý hạng II theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.
- đ) Có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý tối thiểu đủ 02 năm (24 tháng) tính đến ngày 31/12/2018.

3.2. Tiêu chuẩn dự thi

Trợ giúp viên pháp lý đăng ký dự thi thăng hạng ngoài đáp ứng các điều kiện nêu tại tiểu mục 3.1 mục 3 phần II của Kế hoạch này, phải đạt các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành luật;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc tương đương;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT) hoặc chứng chỉ tin học tương đương theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Nội dung, hình thức thi

a) Môn kiến thức chung

- Hình thức thi: Thi viết.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của trợ giúp viên pháp lý dự thi về hệ thống chính trị; các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước; phân công, phân cấp, ủy quyền; cải cách hành chính; pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và về viên chức; các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực phù hợp với tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý hạng II.

- Thời gian thi: 180 phút.

b) Môn chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm.

Nội dung thi: Kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của trợ giúp viên pháp lý theo yêu cầu của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II.

- Thời gian thi: 45 phút.

c) Môn ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi viết.

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc, viết một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc ở trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

- Thời gian thi: 90 phút.

d) Môn tin học văn phòng

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm.

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet ở trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

- Thời gian thi: 45 phút.

5. Hồ sơ đăng ký tham dự thi thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng (*Mẫu số 1 kèm theo Kế hoạch này*);

b) Bản sơ yếu lý lịch của trợ giúp viên pháp lý (theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức);

c) Bản nhận xét, đánh giá của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý (*Mẫu số 3 kèm theo Kế hoạch này*);

d) Bản sao Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc Quyết định bổ nhiệm vào ngạch trợ giúp viên pháp lý và các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành luật;

- Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II;

- Chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi. Trường hợp được miễn thi theo nội dung phần III của Kế hoạch này thì cung cấp chứng chỉ, giấy tờ liên quan đến việc miễn thi.

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của mỗi trợ giúp viên pháp lý được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng

Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức) và được gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thẩm định, lưu giữ và quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng

6.1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận, thẩm tra các hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng, lập danh sách những người đủ điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách, các thông tin và hồ sơ người đăng ký dự thi thăng hạng.

Công văn kèm theo danh sách người đủ điều kiện tham dự thi thăng hạng gửi về Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý): *Trước ngày 10/5/2019.*

6.2. Cục Trợ giúp pháp lý tổng hợp danh sách những người đủ điều kiện dự thi thăng hạng trình Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý xem xét;

6.3. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý thông báo Danh sách người đủ điều kiện dự thi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đồng thời thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

7. Lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi

a) Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

b) Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có người đăng ký dự thi thăng hạng.

III. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

1. Miễn thi môn ngoại ngữ

Miễn thi ngoại ngữ đối với trợ giúp viên pháp lý có một trong các điều kiện sau:

- Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

- Là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;
- Có bằng đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;
- Tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 khung Châu Âu trở lên theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT) còn trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm 31/12/2018, do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ trong nước, các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp chứng chỉ (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận);

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ được cấp kể từ thời điểm 31/12/2016 đến 31/12/2018 (theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, đạt trình độ ngoại ngữ ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3 của khung châu Âu trở lên);

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ được cấp kể từ thời điểm 31/12/2016 đến 31/12/2018 (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, trước khi bảo vệ luận án có chứng ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu).

2. Miễn thi môn tin học văn phòng

Miễn thi môn tin học văn phòng đối với trợ giúp viên pháp lý đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

IV. VỀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Cách tính điểm

Các môn thi được chấm theo thang điểm 100.

2. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Thi đủ các bài thi của các môn thi theo quy định (trừ trường hợp được miễn thi);

- Có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 55 điểm trở lên (kể cả bài thi môn ngoại ngữ, tin học nếu không được miễn thi).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm tra, lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng theo đúng quy định; gửi Công văn kèm theo danh sách người đủ điều kiện tham dự thi thăng hạng và thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến việc thi thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý.

2. Cục Trợ giúp pháp lý là đơn vị thường trực giúp Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

3. Cục Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm phối hợp Cục Trợ giúp pháp lý trong việc chuẩn bị kinh phí cho việc tổ chức kỳ thi theo quy định của pháp luật. / ll

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức trợ giúp viên pháp lý

Kính gửi: Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý

Đồng kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/TP

Họ và tên: Nam/ nữ:

Ngày sinh:

CMND số cấp ngày tại

Đơn vị công tác :

Ngày được bổ nhiệm vào chức danh TGVPL:

Điện thoại..... Email.....

Sau khi nghiên cứu Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý, căn cứ theo tiêu chuẩn quy định, bản thân tôi được đơn vị công tác là Sở Tư pháp tỉnh/TP xét cử tham dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

Vì vậy, tôi làm đơn này đăng ký tham dự đợt thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý theo nội dung Thông báo.

Tôi xin hứa nghiêm túc chấp hành nội quy, quy chế thi.

Tôi xin gửi kèm theo Đơn này Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng gồm:

1. Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

2. Bản sơ yếu lý lịch của trợ giúp viên pháp lý (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức), có xác nhận của Sở Tư pháp;

3. Bản nhận xét, đánh giá của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý;

4. Bản sao Quyết định bổ nhiệm vào ngạch trợ giúp viên pháp lý và các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Tôi xin cam đoan Hồ sơ đăng ký dự thi của tôi là đúng sự thật. Nếu sai thì kết quả thi của tôi sẽ bị hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

UBND TỈNH/TP
SỞ TƯ PHÁP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
ĐỐI VỚI TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC
DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ**

1. Tóm tắt lý lịch

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ hiện nay:.....
- Tên cơ quan, đơn vị công tác:.....

2. Quá trình công tác

3. Về chuyên môn nghiệp vụ

- a) Năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý
- b) Kiến thức về hệ thống pháp luật
- c) Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật được phân công
- d) Thực hiện các nghiệp vụ, hoạt động trợ giúp pháp lý
- đ) Năng lực hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác
- e) Năng lực đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý trong phạm vi được phân công
- g) Năng lực tổng hợp và đề xuất các giải pháp hoàn thiện về nghiệp vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý
- h) Năng lực phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan và người thực hiện trợ giúp pháp lý khi thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý
- i) Tham gia công tác nghiên cứu khoa học phục vụ công tác trợ giúp pháp lý (trong phạm vi địa phương và phạm vi toàn quốc)
- k) Thực hiện các nhiệm vụ khác

4. Về phẩm chất đạo đức, lối sống, tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của trợ giúp viên pháp lý

- Phẩm chất đạo đức, lối sống
- Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý hay không và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo

15

5. Kết quả hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng trong 3 năm

6. Nhận xét khác

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)